



Số: 17 /2025/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 74/TTr-SKHCN ngày 05 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Sở KHCN) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh), thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến

lược; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin truyền thông; quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Sở KHCN theo quy định của pháp luật.

2. Sở KHCN có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh theo thẩm quyền, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Sở KHCN thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình UBND tỉnh

a) Dự thảo quyết định của UBND tỉnh liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển về lĩnh vực khoa học và công nghệ; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho Sở, UBND cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; quyết định thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về khoa học và công nghệ của địa phương.

4. Quản lý, đăng ký, cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký, văn bằng, chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

6. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực quản lý và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh và của cơ quan nhà nước cấp trên.

8. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

10. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của UBND tỉnh.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

14. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

16. Lập kế hoạch và xây dựng đề xuất dự toán chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hằng năm dành cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của địa phương trên cơ sở tổng hợp dự toán của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan. Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

17. Về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật trọng điểm trên cơ sở ứng dụng, đổi mới và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ chiến lược và thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

b) Quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế - kỹ thuật; hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tham mưu xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về công nghệ cao, khu công nghệ cao; quản lý và tổ chức thực hiện việc chứng nhận các hoạt động công nghệ cao, chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao;

d) Quản lý nhà nước về công nghệ chiến lược; xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, biện pháp nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển công nghệ chiến lược tại địa phương;

đ) Hướng dẫn việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật; việc giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi

mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước. Khai thác, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở; xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong các chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

g) Kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các chương trình, đề tài, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp; tổ chức đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Hướng dẫn, đăng ký hoạt động đối với các tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

i) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, ươm tạo công nghệ;

k) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ, tìm kiếm công nghệ, chuyển giao, giải mã và làm chủ công nghệ từ nước ngoài, khai thác sáng chế; hướng dẫn, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra, giám sát hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ; điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ;

m) Tham mưu xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ; quản lý hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; quản lý việc xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; thẩm định, có ý kiến thẩm định về công nghệ; cho ý kiến về nội dung khoa học và công nghệ của các quy hoạch cấp quốc gia, vùng, tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

18. Về đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ

a) Quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển đổi mới sáng tạo và huy động nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo;

b) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với doanh nghiệp là trung tâm; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý hỗ trợ đổi mới sáng tạo;

c) Hướng dẫn việc thành lập, quản lý, phát triển hệ thống tổ chức đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo; tổ chức việc xác định các trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; xây dựng, vận hành, phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo;

d) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xúc tiến thị trường công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ;

đ) Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

e) Chỉ đạo, tổ chức chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ; hoạt động giao dịch công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ; triển lãm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

19. Về khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Quản lý hoạt động ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về xác định, công nhận, ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn viên khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo và các chủ thể khác của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

b) Quản lý, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở địa phương; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý và huy động nguồn lực đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai phát triển hệ thống các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tham gia xây dựng, vận hành và phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

d) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học,

phát triển công nghệ; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các sự kiện về ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế.

20. Về phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; trình cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nâng cao năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Hướng dẫn tiêu chí phân loại, xếp hạng, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể đối với tổ chức khoa học và công nghệ; thành lập, thẩm định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật; hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo dài hạn đối với nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ; tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý;

d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; chính sách thu hút đối với nhà khoa học, chuyên gia, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài;

đ) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động thông tin, thư viện, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; quản lý công bố khoa học và công nghệ trong nước; xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; các cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bổ sung tập trung nguồn tin khoa học và công nghệ quốc gia, quốc tế; đầu tư phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia kết nối với khu vực và quốc tế;

e) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

21. Về sở hữu trí tuệ

a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về sở hữu trí tuệ;

b) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; quy định quy trình, thủ tục xác lập và chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân;

c) Quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến;

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc xác lập, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cả quản lý việc sử dụng dấu hiệu chỉ địa danh quốc gia (“Việt Nam”, “Việt”, “Viet Nam”, “Viet”) để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ quốc gia của Việt Nam; thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

đ) Hướng dẫn về nghiệp vụ sở hữu công nghiệp cho các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, giám định về sở hữu công nghiệp và các dịch vụ khác về sở hữu trí tuệ;

g) Chủ trì tổ chức giải quyết các tranh chấp về sở hữu công nghiệp và tranh chấp thương mại liên quan đến sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tem bưu chính, sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

i) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực liên quan theo phân công của UBND tỉnh.

22. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Quản lý hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài ở Việt Nam; hướng dẫn xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; tham gia mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

b) Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

c) Quản lý việc thiết lập, duy trì, bảo quản, sử dụng, phát triển và ứng dụng hệ thống chuẩn đo lường; tổ chức nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, phát triển, chế tạo, sản xuất sản phẩm, chất chuẩn, thiết bị đo lường; tổ chức quản lý về đo lường đối với phương tiện đo, phép đo, lượng hàng đóng gói sẵn, chuẩn đo lường; tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ đổi mới, phát triển hoạt động đo lường trong doanh nghiệp; thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm, nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và truy xuất nguồn gốc trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực tổ chức đánh giá sự phù hợp;

e) Tổ chức nghiên cứu triển khai, ứng dụng, nâng cao năng suất chất lượng trong các ngành, lĩnh vực; tham gia chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa; chủ trì, triển khai, ứng dụng truy xuất nguồn gốc; nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các thỏa thuận và điều ước quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, đánh giá sự phù hợp; quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp; quản lý việc tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân;

g) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp.

23. Về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Quản lý nhà nước về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế - kỹ thuật; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

b) Quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh và thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;

c) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm về bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân đối với các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

đ) Tham gia quản lý mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia và hệ thống chuẩn đo lường bức xạ và hạt nhân;

e) Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, an ninh nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, chất thải phóng xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; quản lý xuất nhập

khẩu công nghệ thiết bị bức xạ, nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ tại địa phương;

g) Hướng dẫn việc kiểm soát và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân;

h) Hướng dẫn về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp, chiếu xạ y tế và an toàn bức xạ đối với dân chúng.

24. Về bưu chính

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; tổ chức kiểm tra danh mục, cơ chế hỗ trợ và hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý giá và chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và các dịch vụ bưu chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý tem bưu chính, an toàn trong hoạt động bưu chính theo thẩm quyền;

d) Hướng dẫn hoạt động của mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

đ) Phối hợp quản lý về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật.

25. Về viễn thông

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách về viễn thông, Internet, hạ tầng số;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

c) Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý thị trường, cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông, Internet; bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện quy hoạch và các quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông và tài nguyên Internet;

đ) Quản lý giá trong lĩnh vực viễn thông, Internet theo quy định của pháp luật; kiểm soát, đình chỉ áp dụng giá dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp viễn thông áp đặt, phá giá dịch vụ viễn thông gây mất ổn định thị trường viễn thông, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông khác và Nhà nước. Phối hợp thực hiện quản lý khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông. Hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo phục vụ hoạt động quản lý giá dịch vụ viễn thông, Internet;

e) Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kết nối các mạng viễn thông;

g) Hướng dẫn hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

h) Hướng dẫn việc xây dựng, triển khai kế hoạch, phương án phát triển mạng lưới viễn thông; hướng dẫn, kiểm tra việc chia sẻ và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông;

i) Chủ trì trong đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, phối hợp với Công an tỉnh đảm bảo an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông theo quy định của pháp luật;

k) Quản lý chất lượng viễn thông, Internet;

l) Tổ chức thực hiện thúc đẩy ứng dụng, chuyển đổi Internet sang thế hệ mới Ipv6, phát triển Internet công nghiệp, Internet vạn vật (IoT); thúc đẩy phát triển an toàn, bền vững tài nguyên Internet, phổ cập tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;

26. Về tần số vô tuyến điện

a) Hướng dẫn hoạt động truyền dẫn, phát sóng theo quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông;

b) Phối hợp quản lý chất lượng phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và an toàn bức xạ vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép;

d) Phối hợp kiểm tra, kiểm soát tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại;

27. Về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn;

b) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, ưu đãi, ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; công bố danh mục và xây dựng chương trình phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số trọng điểm, trọng yếu;

c) Thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn;

d) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá, chứng nhận về chức năng, tính năng kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; cơ chế chính sách quản lý và phát triển khu công nghệ thông tin, công nghệ số tập trung;

đ) Ban hành, công nhận theo thẩm quyền các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số;

e) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số;

g) Thực hiện quản lý chất lượng, quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật.

28. Về chuyển đổi số

a) Thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; đầu mối tổng hợp, tham mưu điều phối hoạt động phối hợp liên ngành giữa cơ quan, địa phương để thực hiện các chủ trương, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương;

b) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án chung về chuyển đổi số tại địa phương;

c) Triển khai bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp tỉnh; tổ chức đánh giá và công bố kết quả đánh giá định kỳ hằng năm.

29. Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và đô thị thông minh; hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra, đánh giá, xếp hạng việc xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và đô thị thông minh của các cơ quan, địa phương theo thẩm quyền; đánh giá, kiểm định chất lượng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và đô thị thông minh;

b) Hướng dẫn, triển khai danh mục các nền tảng số dùng chung của cơ quan nhà nước; danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện;

c) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các hoạt động quản trị dữ liệu, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện Khung Kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số, Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh; tổ chức triển khai mô hình Trung tâm Giám sát điều hành thông minh của cơ quan nhà nước;

đ) Phối hợp quản lý và vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; nền tảng giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ chính quyền số; nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; nền tảng quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số theo thẩm quyền;

e) Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

30. Về kinh tế số, xã hội số

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án về phát triển kinh tế số, xã hội số;

b) Hướng dẫn, đánh giá việc xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan đến kinh tế số, xã hội số;

c) Quản lý và thúc đẩy phát triển kinh tế số nền tảng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số; tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số, công dân số, kết nối số và văn hóa số, hoạt động tuân thủ các quy tắc ứng xử trên môi trường số trong xã hội và cộng đồng;

d) Xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát triển kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật.

31. Về giao dịch điện tử

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án phát triển giao dịch điện tử; văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử; yêu cầu kỹ thuật, kiểm toán kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong giao dịch điện tử;

b) Quản lý công tác báo cáo, đo lường, thống kê hoạt động giao dịch điện tử; quản lý việc giám sát an toàn hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của chủ quản hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

c) Quản lý chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy;

d) Khai thác hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia;

đ) Triển khai các quy định việc liên thông giữa các hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng công vụ.

32. Về quảng cáo

a) Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

b) Giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hoạt động quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn theo thẩm quyền.

33. Tham mưu nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ công trong các lĩnh vực về khoa học và công nghệ

a) Báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

b) Trình UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Trình UBND tỉnh ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

34. Tham mưu công tác thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

35. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về khoa học và công nghệ ở địa phương theo các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

36. Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai các dự án, nội dung thành phần về khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của các Bộ và phân công của UBND tỉnh.

37. Về dịch vụ sự nghiệp công

a) Hướng dẫn các tổ chức sự nghiệp thực hiện dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

38. Quản lý, khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trong lĩnh vực khoa học và công nghệ hoạt động trên địa bàn tỉnh.

39. Tham mưu tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, điều tra, thống kê, thu thập dữ liệu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực về khoa học và công nghệ và phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.

40. Tham mưu ban hành, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) trong lĩnh vực khoa học và công nghệ áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; phối hợp tham gia công tác quản lý giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về giá và phân công của UBND tỉnh.

41. Tham mưu triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu UBND tỉnh thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định pháp luật; bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp huyện theo quy định pháp luật, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Xây dựng và chỉ đạo việc xây dựng, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Khoa học và Công nghệ, Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

4. Quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của cơ quan Sở; chỉ đạo việc xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa; các nội dung tại Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa (trừ khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2, nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm tại khoản 9 Điều 2).

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ; Tài chính; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ KHCN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HP, HT.

34

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân